

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 82/LEGIA/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU LÊ GIA**

Địa chỉ: 266 Đường Kênh 19/5B, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 025 8888 8899 Fax: E-mail: minhthien.le@legiavietnam.vn

Mã số doanh nghiệp: 0314046502

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BỘT KEM BÉO R&G

2. Thành phần:

Bột kem không sữa, maltodextrin.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 500g, 1Kg hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

Chất liệu bao bì:

Bao bì bằng nhựa PE, PA, giấy. Bao bì kín sạch đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU LÊ GIA**

Địa chỉ: 266 Đường Kênh 19/5B, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.



Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TINH CHẤT THIÊN NHIÊN

Địa chỉ: H34 đường C4, khu phố 4, Phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận HACCP Codex Alimentarius CXC 1-1969, Rev.2022 số: GOODVN63825.HACCP. Ngày cấp: 07/07/2025. Nơi cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GOOD VIỆT NAM.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quyết định 46 / 2007 / QĐ – BYT ngày 19 / 02 / 2007: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm.

QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Thông tư 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



LÊ MINH THIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU LÊ GIA

Địa chỉ: 266 Đường Kênh 19/5B, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: BỘT KEM BÉO R&G

Thành phần:

Bột kem không sữa, maltodextrin.

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nơi nhiều mùi và tránh trực tiếp ánh nắng mặt trời.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng làm nguyên liệu trong pha chế đồ uống và sản xuất thực phẩm.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

Khối lượng tịnh:

Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU LÊ GIA

Địa chỉ trụ sở: 266 Đường Kênh 19/5B, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TINH CHẤT THIÊN NHIÊN

Địa chỉ: H34 đường C4, khu phố 4, Phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

NSX:

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng Nutritional ingredients	Khẩu phần 100 g Serving size 100 g		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu % Nutrient reference values
Năng lượng (Energy)	501	kcal	25%
Chất đạm (Protein)	2.86	g	6%
Carbohydrat không bao gồm xơ (Carbohydrate not included fiber)	64.9	g	20%
Đường tổng số (Total Sugars)	14.3	g	-
Béo tổng (Total Fat)	25.5	g	46%
Natri (Sodium)	154	mg	8%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).
Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrat không bao gồm xơ: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg
% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).
Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate not included fiber: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Total Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg

Giá trị dinh dưỡng cho phép +/-20%

Xuất xứ: Việt Nam

Trang/ Page No: 1/4

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QNA2251200544-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU LÊ GIA
Địa chỉ/ Client's Address : 266 Đường Kênh 19/5B, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 19/12/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 19/12/2025 - 27/12/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 29/12/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : BỘT KEM BÉO R&G
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	501	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	2.86	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	64.9	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	14.3	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Béo tổng (*) / Total fat (*)	25.5	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
6	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	154	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063
7	Benzylpenicillin (Penicillin G) / Benzylpenicillin (Penicillin G)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/102(Ref. TCVN 12284:2018)
8	Penicillin G Procaine (Procaine benzylpenicillin) (*) / Penicillin G Procaine (Procaine benzylpenicillin) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/102(Ref. TCVN 12284:2018)
9	Chlortetracycline (*) / Chlortetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
10	Oxytetracycline (*) / Oxytetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
11	Tetracycline (*) / Tetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
12	Dihydrostreptomycin / Dihydrostreptomycin	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 100)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/108
13	Streptomycin / Streptomycin	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 100)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/108
14	Gentamicin / Gentamicin	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 100)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/108
15	Spiramycin (*) / Spiramycin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.5)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/103
16	Endosulfan (Tổng của Endosulfan alpha và Endosulfan beta) / Endosulfan (Sum of Endosulfan alpha and Endosulfan beta)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/127 (Ref. AOAC 2007.01)
17	Aldrin / Aldrin	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/048 (Ref. AOAC 2007.01)
18	Dieldrin (*) / Dieldrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/048 (Ref. AOAC 2007.01)
19	DDT (Tổng của 2,4 - DDT và 4,4 - DDT) / DDT (Sum of 2,4 - DDT and 4,4 - DDT)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/127 (Ref. AOAC 2007.01)
20	Cyfluthrin / Cyfluthrin	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/127 (Ref. AOAC 2007.01)



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
21	Salmonella (*) / Salmonella (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020
22	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008(ISO 16649-2:2001)

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.

5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.

6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.

8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.

9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.

10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.

- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.

- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng <i>Nutritional ingredients</i>	Khẩu phần 100 g <i>Serving size 100 g</i>		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu <i>% Nutrient reference values</i>
Năng lượng (Energy)	501	kcal	25%
Chất đạm (Protein)	2.86	g	6%
Carbohydrat không bao gồm xơ (Carbohydrate not included fiber)	64.9	g	20%
Đường tổng số (Total Sugars)	14.3	g	-
Béo tổng (Total Fat)	25.5	g	46%
Natri (Sodium)	154	mg	8%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).
Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrat không bao gồm xơ: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg
% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).
Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate not included fiber: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Total Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH

